

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **152/2020/HNGĐ-ST.**

Ngày: 28/8/2020.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Doãn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Hồng Phượng.

Bà Lê Thị Ánh Sáng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Xuân Mai – Thư ký tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Duy Tình– Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 477/2018/TLST-HNGĐ ngày 01/7/2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/8/2020, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn:** Anh **Chu Ngọc Thái S**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T và anh S có yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Chu Ngọc Thái S tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 22/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Chị và anh Chu Ngọc Thái S bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ tháng 5 năm 2018 nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị và anh Chu Ngọc Thái S là do anh S đánh chị. Anh S ăn nhậu về là đập phá nhà cửa kiếm chuyện đủ điều. Từ khi phát sinh mâu thuẫn chị về nhà mẹ đẻ còn anh S sống ở nhà. Chị không còn quan tâm gì đến anh S nữa.

Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Chu Ngọc Thái S. Yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Có 02 con chung tên Chu Ngọc B, sinh ngày 30/10/2009, Chu U, sinh ngày 06/5/2017. Hiện nay hai cháu đang ở với anh S nên chị đồng ý giao 02 con cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung : Ngày 10/7/2020 chị T có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung để tự thỏa thuận nên không yêu cầu toà án giải quyết,

Nợ chung chị T trình bày: Không có

Tại bản tự khai anh Chu Ngọc Thái S trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Kim T kết hôn tự nguyện vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm Đường, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Anh và chị T chung sống hạnh phúc đến tháng 03 năm 2020 thì mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tính cách. Nay chị T có đơn yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì còn tình cảm với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có hai con chung tên Chu Ngọc B, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2009 và Chu U, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2017.

Hiện cháu B và cháu Uyên do anh là người trực tiếp nuôi dưỡng, hai cháu đang ở với anh.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh trình bày không có.

Do bận đi làm không có thời gian đi lại anh S đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt trong các buổi làm việc, hoà giải, công khai chứng cứ và trong suốt quá trình xét xử. Anh S có ý kiến Toà án muốn xử sao thì xử.

Những nội dung các đương sự đã thống nhất, không thống nhất:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T yêu cầu ly hôn với anh Chu Ngọc Thái S. Anh Chu Ngọc Thái S không đồng ý ly hôn chị Nguyễn Thị Kim T.

Về con chung: có hai con chung là Chu Ngọc B, sinh ngày 30/10/2009 và Chu U, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2017. Chị T và anh S đều thống nhất: anh S nuôi con. Chị T và anh S không có yêu cầu xem xét về mức cấp dưỡng.

Về tài sản chung: theo đơn khởi kiện chị T có tranh chấp về tài sản. Tuy nhiên, ngày 10 tháng 7 năm 2020 chị T có đơn xin rút yêu cầu tranh chấp phần tài sản chung và trình bày tự thỏa thuận. Anh S trình bày tài sản chung không có. Chị T và anh S không yêu cầu toà án xem xét về tài sản chung.

Nợ chung: Các đương sự đều trình bày không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ được thực hiện đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được B đảm, các quyết định được tổng đạt hợp lệ, phiên tòa được thực hiện dân chủ, bình đẳng. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, chấp hành tốt pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu tranh chấp ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim T. Xử cho chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với anh Chu Ngọc Thái S.

Con chung: Chu Ngọc B, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2009 và Chu U, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2017

Chị T và anh S đều thống nhất, anh S nuôi con. Chị T và anh S đều không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét.

Tài sản chung: Các đương sự không tranh chấp nên đề nghị không xem xét. Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về tranh chấp tài sản chung đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị T.

Nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thẩm quyền: Tranh chấp phát sinh giữa chị Nguyễn Thị Kim T và anh Chu Ngọc Thái S là tranh chấp ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kim T có đơn xin vắng tại phiên tòa, bị đơn anh Chu Ngọc Thái S có yêu cầu xin vắng mặt căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh S.

Về nội dung vụ án: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh S xây dựng gia đình với nhau năm 2008, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm Đường, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 90-Quyển số 01/2008 ngày 22/12/2008 do cả hai đều tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, thương yêu nhau, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Chị T cho rằng vợ chồng chung sống đến tháng 5 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị và anh S là do anh S đánh chị, ăn nhậu về là đập phá nhà cửa kiếm chuyện đủ điều. Chị đã không còn chung sống với anh S mà về nhà mẹ sống, chị không còn tình cảm với anh S. Chị T yêu cầu ly hôn với anh S.

Anh S cho rằng mâu thuẫn giữa anh và chị T là do bất đồng quan điểm, tính cách. Anh S không đồng ý ly hôn vì con tình cảm với chị T.

Như vậy, chị T đối với anh S không còn tình nghĩa vợ chồng. Anh S cho rằng còn tình cảm nhưng anh S không hàn gắn gia đình, nhiều lần mới hoà giải để giải quyết quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị T. Tuy nhiên, anh S không có mặt, có ý kiến toà án muốn xử sao cũng được. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh S không thể hàn gắn, đoàn tụ được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị T yêu cầu được ly hôn với anh S là có căn cứ chấp nhận, cho ly hôn giữa chị T và anh S.

[2]. Về con chung: Có hai con chung tên Chu Ngọc B, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2009 và Chu U, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2017. Hiện nay đang sống với anh Chu Ngọc Thái S.

Chị T và anh S đến thống nhất: Anh S là người tiếp tục nuôi dưỡng cháu B và cháu Uyên. Đồng thời, cháu B đã trên 07 (bảy) tuổi có nguyện vọng được ở với anh S. Nên ghi nhận việc thỏa thuận nuôi con giữa chị T và anh S.

[3]. Về tài sản chung: Các đương sự không tranh chấp nên không xem xét. Nguyên đơn xin rút yêu cầu tranh chấp chia tài sản chung nên xem xét.

[4]. Nợ chung: Các đương sự đều trình bày không có nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu tranh chấp ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim T. Xử cho chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với anh Chu Ngọc Thái S.

Về con chung: Anh S được quyền nuôi dưỡng cháu Chu Ngọc B, sinh ngày 30/10/2009 và Chu Nhã U, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2017. Không xem xét về cấp dưỡng nuôi con. Chị T được quyền đến thăm con không ai được ngăn cản, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không xem xét.

Nợ chung: Không xem xét.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi với yêu cầu tranh chấp chia tài sản chung.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.800.000 đồng (*bảy triệu tám trăm nghìn đồng*) theo các biên lai số 0001696 ngày 30/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Trả lại chị Nguyễn Thị Kim T số tiền 7.500.000 đồng (*bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí còn lại.

Nguyên đơn chị T và bị đơn anh S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- Chi cục THADS H. Long Thành;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Thị Hằng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**